

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20191
Lớp CĐT 5 K10 Mã lớp học 26,950 Lý thuyết

Môn học: CMH20 Máy cắt kim loại

Giáo viên: TS. Đinh Hồng Bô

Số đơn vị học trình: 2

Ngày thi 30/12/2019

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD182739	Chu Hoàng Anh	04/07/2000	4,5	01	anh	
2	CD183161	Phạm Đức Anh	15/09/1998	5,5	01	Anh	
3	CD183108	Trần Quang Anh	27/12/2000	Phi lại	01		
4	CD182816	Nguyễn Chiến Công	16/08/1999	Không được thi do không hoàn thành học phí			Học lại
5	CD183121	Nguyễn Quốc Đăng	12/01/2000	5,0	01	Đăng	
6	CD183067	Đỗ Thành Đạt	12/12/2000	1,5	01	Đạt	
7	CD182882	Lê Tuấn Đạt	03/11/2000	00			không thi
8	CD183057	Nguyễn Việt Đạt	06/08/1997	4,0	01	Việt Đạt	
9	CD172557	Đinh Văn Đoàn	07/10/1999	Không được thi do không hoàn thành học phí			Phi lại
10	CD181472	Đỗ Văn Doanh	28/02/2000	4,5	01	Doanh	
11	CD183070	Cao Sỹ Đức	02/12/1999	3,5	01	Đức	
12	CD182708	Nguyễn Việt Đức	05/01/1999	6,0	01	Đức	
13	CD182970	Tăng Văn Đức	27/10/2000	Không được thi do không hoàn thành học phí			Học lại
14	CD182935	Nguyễn Hữu Dũng	12/02/2000	7,0	01	Dũng	
15	CD182957	Nguyễn Ánh Dương	20/06/2000	4,0	01	Ánh Dương	
16	CD182879	Phạm Thành Duy	14/06/2000	5,5	01	Duy	
17	CD182656	Nguyễn Danh Việt Hoàng	02/07/2000	6,0	01	Việt Hoàng	
18	CD183094	Hoàng Văn Hùng	10/08/1999	6,0	01	Hùng	
19	CD182705	Đỗ Khắc Khải	28/07/2000	6,5	01	Khải	
20	CD182850	Hoàng Văn Khanh	01/06/2000	5,5	01	Khanh	
21	CD182920	Long Văn Khanh	15/04/2000	5,0	01	Khanh	
22	CD182941	Trương Minh Khoa	20/09/2000	5,5	01	Khoa	
23	CD182699	Vũ Minh Khương	12/04/2000	6,0	01	Khương	
24	CD182904	Nguyễn Công Linh	07/12/2000	6,5	01	Linh	
25	CD182766	Nguyễn Văn Linh	23/05/2000	7,0	01	Linh	
26	CD182839	Đặng Thế Long	01/04/2000	6,0	01	Thế Long	
27	CD182817	Tăng Xuân Long	29/07/2000	5,0	01	Xuân Long	
28	CD182874	Vũ Đức Mạnh	25/06/2000	6,0	01	Mạnh	
29	CD183056	Nguyễn Đức Minh	18/08/2000	4,5	01	Minh	
30	CD183059	Đỗ Thanh Phong	19/02/2000	6,0	01	Phong	
31	CD183188	Phan Văn Phú	11/04/1995	6,0	01	Phú	
32	CD182670	Phan Văn Phước	24/01/1999	Phi 5,0	01	Phước	
33	CD182977	Hoàng Minh Quang	18/07/1998	Phi lại			
34	CD182997	Phùng Văn Quang	14/12/2000	5,0	01	Quang	
35	CD182954	Phạm Trung Sơn	02/01/2000	Phi lại			

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD182768	Lý Hồng Tài	22/08/1999	6,0	01		
37	CD182624	Ngô Quang Thái	05/12/2000	4,0	01	Thái	
38	CD182940	Nghiêm Đình Thắng	17/05/2000	3,5	01	Thắng	
39	CD182665	Nguyễn Trọng Thắng	12/04/1998	7,0	01	Thắng	
40	CD182700	Phan Quang Thắng	14/04/1999	Thi lại			
41	CD182988	Hồ Sỹ Thành	31/07/2000	6,0	01	Thành	
42	CD182868	Giáp Đức Thiện	25/11/2000	5,0	01	Thiện	
43	CD182828	Đoàn Văn Trí	13/07/2000	6,0	01	Trí	
44	CD182902	Phan Văn Trí	04/04/2000	6,0	01	Trí	
45	CD182718	Lê Anh Tú	09/05/2000	7,0	01	Tú	
46	CD182664	Nguyễn Văn Tú	13/10/2000	5,0	01	Tú	
47	CD182841	Lê Khắc Tuấn	01/09/2000	6,5	01	Tuấn	
48	CD182853	Phạm Văn Việt	09/09/2000	5,0	01	Việt	
49	CD183115	Vũ Đình Việt	12/06/2000	00			không thi
50	CD172949	Lê Mạnh Dũng	04/12/1999	3,5	01	Dũng	

Tổng số sinh viên dự thi: 41

Số sinh viên đạt:

Tổng số tờ giấy thi: 41

Ngày giao viên nộp điểm: 31/12/2020

Hạn cuối nộp điểm:

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Đinh Hồng Bội

CÁN BỘ COI THI 1

Nguyễn Đăng Tuyển

CÁN BỘ COI THI 2

Chu Đức Tuấn

TRƯỞNG KHOA

CHỦ NHIỆM KHOA
PGS. Tăng Huy